TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày : 26/5/2020
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN - TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Đình Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Quốc Việt và bà Lục Thị Xinh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Duy Nha – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chợ Đồn xét xử công khai vụ án thụ lý số: 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/ QĐST – HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị K (Hoàng Thị H) - sinh năm 1993

Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Có mặt

- Bị đơn: Anh Triệu Tài T - sinh năm 1988

Nơi ĐKHKTT: Thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn xin ly hôn đề ngày 05/02/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hoàng Thị K (Hoàng Thị H) trình bày:**

Chị Hoàng Thị K (H) kết hôn với anh Triệu Tài Th trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 08/5/2013 tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, được tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống tại thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu nảy sinh từ năm 2014. Nguyên nhân là do anh T hay uống rượu, bỏ bê công việc, sách nhiễu vợ con, chị K (H) thường xuyên bị anh T đánh đập. Chị K (H) và anh T đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Hiện nay, chị K (H) đã mua đất, làm nhà và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Trong thời gian ly thân chị K (H) và anh T không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình càm vợ chồng không còn, chị K (H) đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Triệu Thị Bảo N, sinh ngày 24/12/2012. Hiện nay, con đang ở với chị Hoàng Thị K (H) tại thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Khi ly hôn chị Hoàng Thị K (H) có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình tố tụng, bị đơn là anh Triệu Tài T trình bày:**

Anh T kết hôn với chị Hoàng Thị K (H) trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 08/5/2013 tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, được tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Quá trình chung sống thời gian đầu sống hạnh phúc, thời gian về sau nảy sinh mâu thuẫn là do chị K (H) có mối quan hệ phức tạp nên anh T có lời nói trách móc, dẫn đến việc vợ chồng tranh cãi, xô xát. Anh T và chị K (H) đã ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Tuy nhiên, anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức độ phải ly hôn. Chị K (H) xin ly hôn, anh T không đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Triệu Thị Bảo N, sinh ngày

24/12/2012. Anh T không đồng ý ly hôn với chị K (H) nên không đề cập đến việc giao con cho ai trực tiếp nuôi. Tuy nhiên trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị Hoàng Thị K (H) cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn không có mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị K (H).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**]. Về pháp luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Hoàng Thị K (H) và anh Triệu Tài T. Yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung. Theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và luật Hôn nhân và gia đình vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án đã giải quyết vụ án theo đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[**2**]. Nội dung vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị K (H) và anh Triệu Tài T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 08/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Trước khi đi đến kết hôn hai bên có được tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống, vợ chồng chị K (H) anh T đã xảy ra mâu thuẫn, xuất phát từ việc anh T uống rượu say, bỏ bê công việc, sách nhiễu vợ con, đánh đập chị K (H). Chị K (H) và anh T đã ly thân từ năm 2017. Sau khi ly thân, chị K (H) đã cùng với con chung là Triệu Thị Bảo N chuyển đến sinh sống, làm việc và học tập tại thôn N, xã C, huyện B, tỉnh

Bắc Kạn cho đến nay. Trong thời gian chị K (H) và con chung sinh sống ở thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn anh Triệu Tài T không quan tâm đến vợ con (không thăm nom, chăm sóc). Mâu thuẫn của vợ chồng gia đình hai bên đều biết và khuyên bảo nhưng không thể đoàn tụ được. Trong trong quá trình tố tụng, anh T cũng thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn. Theo lời khai của anh T tại Tòa án, vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Tuy nhiên anh T cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, nên anh không đồng ý ly hôn với chị K (H). Tại phiên tòa chị K (H) khẳng định chị và anh T không còn quan tâm đến nhau nữa và chị không còn tình cảm với anh T, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Xét thấy hôn nhân giữa chị K (H) và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc cho hai bên đoàn tụ sẽ không đem lại hạnh phúc cho nhau. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị K (H).

Về con chung: Chị Hoàng Thị K (H) và anh Triệu Tài T có 01 con chung tên là Triệu Thị Bảo N, sinh ngày 24/12/2012. Chị K (H) có nguyện vọng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu anh Triệu Tài T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Anh Triệu Tài T cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con.

Xét thấy, nguyện vọng của chị K (H) và anh T về việc trực tiếp nuôi con đều phù hợp. Tuy nhiên, hiện nay cháu Triệu Thị Bảo N đang được chị Hoàng Thị K (H) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu N phát triển ổn định, có thành tích học tập tốt (được Trường Tiểu học xã C tặng giấy khen vì thành tích hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện trong năm học 2018 – 2019). Bản thân cháu Triệu Thị Bảo N cũng đã có đơn trình bày nguyện vọng gửi đến Tòa án trình bày mong muốn được sinh sống cùng với mẹ là chị Hoàng Thị K (H). Ngoài ra con chung lại là con gái nên việc giao con chung cho chị K (H) trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ đảm bảo thuận lợi hơn cho mọi mặt phát triển của con chung.

Mặc dù anh Triệu Tài T không trực tiếp nuôi con, nhưng anh T vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị K (H) không yêu cầu anh Triệu

Tài T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung**:** Chị K (H) và anh T thừa nhận không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị K (H) và anh T thừa nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[**3**]. **Về án phí**: Chị Hoàng Thị K (H) phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5; điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị K (H). Chị Hoàng Thị K (H) được ly hôn với anh Triệu Tài T.

- *Về nuôi con chung*: Giao con chung Triệu Thị Bảo N sinh ngày 24/12/2012 cho chị Hoàng Thị K (H) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị K (H) không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về án phí:* Buộc chị Hoàng Thị K (H) phải chịu 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hoàng Thị K (H) đã nộp 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu

tiền số 06192 ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án huyện Chợ Đồn. Chị Hoàng Thị K (H) đã nộp đủ án phí.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh: 01
- VKS huyện CĐồn 01
- VKS tỉnh Bắc Kạn 01
- THADS huyện CĐồn 01
- UBND xã C 01
(Nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự 02
- Lưu hồ sơ 01
- Lưu vp 01

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Đình Hưng